



Welcome !



PLACEMENT TEST

Vietnamese Pre-Intermediate 1

What would you say in Vietnamese in the following situations?

1. **You want to speak to professor Mai, you say:**
 - A. Tôi muốn nói chuyện với giáo sư Mai
 - B. Tôi nói giáo sư Mai nào
 - C. Tôi làm ơn nói chuyện với giáo sư Mai

2. **You want to have the name and phone number of a young man, you say:**
 - A. Xin anh cho biết tên và số điện thoại của anh.
 - B. Xin anh biết tên và số điện thoại của anh.
 - C. Xin anh tên và số điện thoại của anh được.

3. **You want to request someone to switch the TV on, you say:**
 - A. Tắt công tắc tivi
 - B. Công tắc tivi lên
 - C. Bật công tắc tivi

4. **You want to ask if you can borrow a pen from someone, you say:**
 - A. Tôi mượn cây bút được không ạ?
 - B. Tôi cho cây bút được không ạ?
 - C. Tôi muốn cây bút không ạ?

5. **You want to say because you like Vietnam, so you study Vietnamese, you say:**
 - A. Vì Việt Nam nên tôi có học Tiếng Việt
 - B. Vì tôi Việt Nam nên tôi học Tiếng Việt
 - C. Vì tôi thích Việt Nam nên tôi học Tiếng Việt



Welcome !

6. **You want to say you have been married for 3 years, you say:**
 - A. Tôi có gia đình 3 năm rồi
 - B. Tôi có gia đình 3 năm được
 - C. Tôi muốn gia đình 3 năm

7. **You want to say you have never travelled by airplane, you say:**
 - A. Tôi không đi du lịch bằng máy bay
 - B. Tôi bao giờ đi du lịch bằng máy bay chưa
 - C. Tôi chưa bao giờ đi du lịch bằng máy bay

8. **You want to open a saving account, you say:**
 - A. Tôi muốn mở tài khoản tiết kiệm
 - B. Tôi phải mở tài khoản tiết kiệm
 - C. Tôi mở tài khoản tiết kiệm được

9. **You want to ask if you can go to Vũng Tàu by motorbike, you say:**
 - A. Tôi có đi Vũng Tàu bằng xe gắn máy không?
 - B. Tôi có thể đi Vũng Tàu bằng xe gắn máy được không?
 - C. Tôi đi Vũng Tàu bằng xe gắn máy không?

10. **You want to change 100 USD into Viet Nam dong, you say:**
 - A. Tôi muốn đổi 100 đô la Mỹ ra đồng Việt Nam
 - B. Tôi có đổi 100 đô la Mỹ ra đồng Việt Nam
 - C. Tôi chưa đổi 100 đô la Mỹ ra đồng Việt Nam

11. **You want to ask a person what his occupation is, you say:**
 - A. Anh thích nghề gì?
 - B. Anh có muốn nghề gì không?
 - C. Anh làm nghề gì?

12. **You want to say everyone in my family is a teacher, you say:**
 - A. Mọi người trong gia đình tôi đều là giáo viên
 - B. Tất cả trong gia đình tôi đều là giáo viên
 - C. Hầu hết có gia đình đều là giáo viên

13. **You advise an old woman to eat vegetable and fruit, you say:**
 - A. Bà nên ăn rau và hoa quả
 - B. Bà ăn rau và hoa quả chưa
 - C. Bà có ăn rau và hoa quả nào



Welcome !

14. You want to say a healthy person is a person who exercises regularly, you say:

- A. Người khỏe mạnh là người tập thể dục thường xuyên
- B. Người khỏe mạnh phải tập thể dục thường xuyên
- C. Người khỏe mạnh chưa tập thể dục thường xuyên

Please type your answer and email to info@sydneylanguagesolutions.com.au and we will email you about your suitability for the class.

Thank you for your interest in learning Vietnamese with us!!